



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

23/06/2025 – 27/06/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Căng thẳng Trung Đông, thị trường điều chỉnh, ưu tiên nhóm cổ phiếu hàng hóa

- Thị trường cổ phiếu toàn cầu hiện đã thoát khỏi các mức đỉnh gần đây. Trong khi đó, một chỉ số đo lường mức độ biến động của cổ phiếu châu Âu đã tăng lên mức cao nhất trong vòng 2 tháng khi thị trường cổ phiếu khu vực đồng loạt giảm. Trái phiếu chính phủ - thường là một công cụ trú ẩn khỏi rủi ro địa chính trị - cũng bị bán tháo. Điều này cho thấy các chính sách thuế quan của Mỹ, cuộc xung đột ở Trung Đông và sự thiếu ổn định của đồng USD đang khiến cho chính sách tiền tệ toàn cầu và lạm phát ngày càng khó đoán định hơn. Tuần vừa qua, có thêm nhiều Ngân hàng Trung ương trên thế giới hạ lãi suất trong số 8 NHTW hạ lãi suất kể từ đầu tháng 6 như: Thụy Sĩ, Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), Philippines, Ấn độ, Nga.
- Ở thị trường hàng hóa, giá Vàng và Bạc thế giới đều giảm trong tuần vừa qua dù Trung Đông căng thẳng, trong khi giá Dầu, Đồng và Urê tăng. Kể từ đầu năm, giá vàng tăng (+28,3%), Bạc (+24,6%), Đồng (21,3%), Urê (+28,2%), Dầu (+3,5%).
- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.349,35 điểm, tăng +33,86 điểm, tương đương tăng +2,57% so với tuần trước, ở mức giá đóng cửa chỉ số này đang ở mức cao nhất 3 năm. Nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap cũng tăng lần lượt +2,57% và +1,1% trong khi nhóm Bluechips (Vn30) cũng vọt +2,43% nhưng chưa vượt vùng dao động tháng 5 vừa qua.
- Độ rộng thị trường ghi nhận một tuần tăng trên diện rộng với có hơn 80% số nhóm cổ phiếu tăng điểm. Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh như: Thủy sản (+6,99%), Hóa chất (+5,02%), Dầu khí (+4,81%), ... ở chiều ngược lại, nhóm Viettel và Logistics giảm nhẹ -0,5% và -0,25%.
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 22.898 tỷ đồng, tăng +4,2% so với tuần trước đó, trong khi thanh khoản khớp lệnh chỉ nhích nhẹ +0,2% lên 20.525 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 6 đạt 23.473 tỷ đồng, giảm -2,4% so với tháng 5 và thấp hơn gần -11% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 20.086 tỷ đồng, giảm -14% so với cùng kỳ nhưng vẫn tương đương so với mức bình quân năm 2024.
- Khối ngoại bán ròng -243 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -43.672 tỷ đồng. Tuần vừa qua khối ngoại mua ròng đối với HPG (+640 tỷ đồng), NVL (+343 tỷ đồng), VPB (+227 tỷ đồng), trong khi bán ròng VIC (-983 tỷ đồng), VHM (-523 tỷ đồng), ... trong vòng 1 tháng trở lại đây, khối ngoại đã mua ròng: NVL (+1.016 tỷ đồng), EIB (+522 tỷ đồng), trong khi bán ròng VHM (-1.642 tỷ đồng), VIC (-1.085 tỷ đồng), v.v...

Cảng thẳng Trung Đông, thị trường điều chỉnh, ưu tiên nhóm cổ phiếu hàng hóa

- Độ rộng thị trường ghi nhận hơn 80% nhóm cổ phiếu tăng giá, dòng tiền tăng và tạo hiệu suất tốt ở các nhóm cổ phiếu như: Dầu khí, Ngân hàng, Dệt may, Thực phẩm, Thủy sản, Hóa chất, Cao su tự nhiên, BĐS KCN, Công nghệ.
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức 13,81 lần, đã tăng từ mức 12,4 lần đầu tháng 5 nhưng vẫn thấp hơn giai đoạn đầu tháng 4 (14,6) khi ở vùng mức giá, bên cạnh đó thị trường đang ở mức định giá thấp hơn 17,7% so với trung bình lịch sử (16,79), là cơ hội tiềm năng cho nhà đầu tư dài hạn.
- Nhận định thị trường: Đối với chứng khoán thế giới, cảng thẳng Trung Đông tiếp tục chi phối thị trường, đặc biệt nếu Iran đóng cửa Eo biển Hormuz sẽ có tác động mạnh mẽ đến thị trường chứng khoán toàn cầu do đây là tuyến đường huyết mạch cho vận chuyển dầu thô và khí hóa lỏng (LNG), chiếm khoảng 25% nguồn cung dầu toàn cầu và 1/3 LNG. Phố Wall lo ngại lạm phát, suy thoái, và gián đoạn chuỗi cung ứng do giá dầu tăng và thuế quan của Trump.
- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index vượt đỉnh, lên mức cao nhất 3 năm nhưng thanh khoản không tăng. So với tuần cuối tháng 5 và đầu tháng 6, khi Vn-Index ở vùng 1.350 điểm như hiện nay, thanh khoản thị trường đều đạt trên ngưỡng 25.500 tỷ đồng, do vậy tuần vượt đỉnh vừa qua của chỉ số đã không lôi kéo thêm dòng tiền vào dù có hoạt động cơ cấu danh mục của các quỹ ETF, thậm chí còn giảm hơn 10%. Bên cạnh đó, dù chỉ số Vn-Index đã vượt đỉnh nhưng có rất ít nhóm cổ phiếu theo kịp đà tăng của chỉ số, ngoại trừ: Thủy sản, Ngân hàng, Bất động sản, ... Một số nhóm cổ phiếu vẫn còn cách đỉnh như Vingroup (-10,7%), Logistics (-7,9%), Chứng khoán (-4,2%), ... Như vậy về mặt kỹ thuật, thị trường đang tạo sự phân kỳ về mặt kỹ thuật. Một thông tin cũng đang được nhà đầu tư quan tâm là thuế quan khi chỉ còn 2 tuần nữa là đến hạn chót 9/7. Theo dự báo của Nomura Holdings, Mỹ có thể duy trì mức thuế quan cao đối với các nước Đông Nam Á. Tuy nhiên, so với mức thuế đối ứng công bố vào đầu tháng 4, dự báo của Nomura thấp hơn đáng kể. Công ty dịch vụ tài chính Nhật Bản dự đoán Mỹ có thể áp thuế suất trung bình 15,5% đối với các nước Đông Nam Á. Cụ thể hơn, hàng hoá Việt Nam và Thái Lan xuất khẩu sang Mỹ có thể bị áp thuế đối ứng lần lượt là 24,3% và 20%. Thuế đối ứng với hàng hoá Singapore và Philippines có thể đặt ở mức 10%. Như vậy, kịch bản tích cực cho thị trường là mức thuế đối ứng cho Việt Nam dưới ngưỡng 15,5%, mức thuế đối với cơ sở sẽ nằm trong khoảng 15 -20%. Thị trường chứng khoán trong nước và thế giới có thể chịu tác động ngay trong phiên đầu tuần này đến từ cảng thẳng Trung Đông đang leo thang, các hợp đồng tương lai trên thị trường Mỹ giảm mạnh và giá dầu bật tăng sau khi Mỹ không kích Iran. Do vậy, trong kịch bản cơ sở, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ tâm lý 1.300 điểm. Với hiệu suất tăng tốt trong vòng 1 tuần và 1 tháng qua, cùng các dấu hiệu về sự phân kỳ ở chỉ số Vn-Index, nhịp điều chỉnh ngắn có thể đưa chỉ số Vn-Index về vùng hỗ trợ 1.300 – 1.308 điểm. Trong kịch bản thuế quan hoặc cảng thẳng Trung Đông bất lợi, vùng hỗ trợ cho thị trường có thể ở 1.270 – 1.280 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Cảng thẳng Trung Đông chi phối thị trường, ưu tiên nhóm cổ phiếu hàng hóa được hưởng lợi như: Dầu khí, phân bón, hoặc nhóm cổ phiếu vận tải biển/Logistics.

Các sự kiện chính trong tuần này (23/06 – 27/06)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
23	24	25	26	27
 Mỹ: Chỉ số PMI tổng hợp sơ bộ (tháng 6)	 Canada: Chỉ số giá tiêu dùng CPI (tháng 5)	 Mỹ: Doanh số bán nhà mới (tháng 5)	 Mỹ: Đơn đặt hàng hóa lâu bền sơ bộ (tháng 5)	 Anh: Chỉ số tăng trưởng GDP (Q1)
 Châu Âu: Chỉ số PMI tổng hợp sơ bộ (tháng 6)	 Mỹ: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng CB (tháng 6)		 Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	 Mỹ: Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân PCE (tháng 5)
 Anh: Chỉ số PMI tổng hợp sơ bộ (tháng 6)			 Mỹ: Chỉ số tăng trưởng GDP (Q1)	 Canada: Chỉ số tăng trưởng GDP (tháng 4)
 Mỹ: Doanh số bán nhà hiện tại (tháng 5)				 Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan (tháng 6)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	885.76	-0.44%	2.03%	5.28%	10.55%
Dow Jones	42,206.82	0.02%	1.45%	-0.79%	7.81%
S&P 500	5,967.84	-0.15%	2.84%	1.47%	9.21%
Europe	536.53	-1.54%	-1.58%	5.70%	4.16%
Japanese	38,403.23	0.89%	3.34%	-3.74%	-0.50%
Korea	3,021.84	4.40%	16.58%	25.94%	8.53%
China	3,359.90	-0.51%	0.34%	0.24%	12.07%
HongKong	23,530.48	-1.52%	-0.30%	17.30%	30.52%
Taiwan	22,045.74	-0.12%	1.82%	-4.30%	-5.19%
Indian	25,112.40	1.59%	1.04%	6.21%	6.86%
Singapore	3,883.43	-0.72%	0.03%	2.53%	17.47%
Malaysia	1,502.74	-1.01%	-2.13%	-8.50%	-5.51%
Indonesia	6,907.14	-3.61%	-4.26%	-2.44%	0.39%
Thailand	1,067.63	-4.91%	-9.24%	-23.75%	-18.28%
Philippine	6,339.77	-0.87%	-1.14%	-2.90%	2.94%
Vietnam	1,349.35	2.57%	2.65%	6.52%	5.25%
Brent Oil	77.01	3.75%	19.93%	3.18%	-9.66%
Crude Oil WTI	74.93	3.04%	21.78%	5.16%	-6.29%
Gold	3,385.70	-2.27%	-0.26%	28.20%	45.99%
S&P 500 VIX	20.62	-0.96%	-7.49%	18.85%	56.21%
Dollar Index	98.28	0.11%	-0.74%	-9.25%	-6.79%
U.S. 10Y	4.38	-0.67%	-2.91%	-4.29%	2.79%
U.S. 2Y	3.90	-1.13%	-2.18%	-7.85%	-17.54%

Nguồn: Update 22/06, Investing, MBS Research

- Thị trường chứng khoán toàn cầu phần lớn giảm điểm trong tuần vừa qua, ở thị trường chứng khoán Mỹ: S&P 500 giảm 0,2%; Dow Jones tăng 0,02%; và Nasdaq tăng 0,2%. Ở khu vực Asean 6, ngoại trừ Việt Nam tăng mạnh, 5 thị trường còn lại đều giảm điểm, trong đó đáng chú ý là mức giảm mạnh của thị trường Thái Lan (-4,91%), kể từ đầu năm thị trường này đã giảm -23,75 điểm.
- Kết thúc cuộc họp chính sách tiền tệ kéo dài 2 ngày, Fed giữ nguyên lãi suất ở mức 4,25-4,5%, một kết quả không nằm ngoài dự báo trước đó của thị trường. Tuy nhiên, quyết định này của Fed được nhà đầu tư nhìn nhận theo nhiều góc độ khác nhau, bởi Fed vẫn phát tín hiệu sẽ cắt giảm lãi suất 2 lần trong năm nay đồng thời với một sự cảnh báo ngầm về nguy cơ nền kinh tế rơi vào đình lạm. Trong dự báo kinh tế cập nhật hàng quý, Fed hạ dự báo tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) 2025 của Mỹ còn 1,4% và tăng dự báo lạm phát lõi lên 3,1%.
- Hợp đồng Vàng tương lai giảm giá tuần vừa qua dù Trung Đông căng thẳng, cả tuần hợp đồng vàng tương lai giảm 2,27% còn 3.385,7 USD/oz, mức thấp nhất kể từ ngày 12/06/2025 nhưng vẫn tăng 28,2% kể từ đầu năm. Vàng thường được xem là biện pháp phòng ngừa trong thời kỳ bất ổn kinh tế và chính trị.
- Giá dầu dù giảm ở phiên cuối tuần trước nhưng vẫn hoàn tất một tuần tăng mạnh, với giá dầu Brent tăng 3,75% và giá dầu WTI tăng 3,04%. Căng thẳng ở vùng Vịnh vẫn còn ở mức cao và tiếp tục là yếu tố quan trọng hỗ trợ giá dầu. Iran trước đây đã từng đe dọa đóng cửa eo Hormuz - đoạn đường biển chiến lược đối với hoạt động vận tải dầu lửa toàn cầu. Nhà phân tích Ashley Ketly của công ty Panmure Liberum nhận định nếu xung đột leo thang, chẳng hạn Israel tấn công hạ tầng xuất khẩu dầu của Iran hoặc Iran chặn eo Hormuz, giá dầu có khả năng vượt 100 USD/thùng.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chỉ số S&P 500 không giữ được ngưỡng 6.000 điểm, trong khi Dow Jones thấp hơn vạch xuất phát kể từ đầu năm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Trong khu vực Đông Nam Á, chứng khoán Thái Lan về đáy tháng 4 trong khi Indonesia và Phillipines cũng giảm 4% từ đỉnh tháng 5



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Thị trường Hồng Kông và Hàn Quốc đang thu hút giới đầu tư sau mức tăng mạnh 17,3 – 25,94% kể từ đầu năm



THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Energy	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Crude OilUSD/Bbl	74.04	1.5%	20.3%	3.2%	-8.3%
BrentUSD/Bbl	77.27	4.1%	19.0%	3.5%	-9.4%
Natural gasUSD/MMBtu	3.896	8.8%	15.7%	7.2%	37.4%
GasolineUSD/Gal	2.3338	4.3%	9.3%	16.0%	-7.0%
Heating OilUSD/Gal	2.5438	6.8%	19.7%	9.8%	2.2%
CoalUSD/T	106.6	1.3%	6.1%	-14.9%	-19.6%
TTF GasEUR/MWh	40.94	9.1%	12.1%	-18.9%	20.6%
UK GasGBP/thm	96.026	8.3%	9.8%	-23.4%	21.4%
EthanolUSD/Gal	1.6575	-1.5%	-8.3%	-1.9%	-14.8%
NaphthaUSD/T	576.88	0.9%	5.3%	-5.7%	-12.7%
UraniumUSD/Lbs	75.9	8.8%	6.8%	4.0%	-10.2%
PropaneUSD/Gal	0.78	0.3%	3.9%	0.7%	4.5%
MethanolCNY/T	2554	6.6%	12.1%	-7.7%	2.0%
Urals OilUSD/Bbl	74.55	15.5%	26.1%	8.8%	-5.6%

Livestock	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Feeder CattleUSd/Lbs	302.35	-1.2%	2.0%	14.8%	17.2%
Live CattleUSd/Lbs	222.89	-0.9%	4.1%	16.3%	18.8%
Lean HogsUSd/Lbs	112.78	3.0%	13.3%	38.7%	22.5%
BeefBRL/15KG	314.4	0.0%	3.5%	-1.0%	40.5%
PoultryBRL/Kgs	7.43	0.8%	-13.9%	-10.5%	1.5%
Eggs USUSD/Dozen	2.73	2.6%	-15.0%	-53.1%	5.6%
Eggs CHCNY/T	2954	4.6%	1.2%	-16.1%	-12.7%
SalmonNOK/KG	75.44	-1.8%	-15.6%	-19.6%	-11.7%

Agricultural	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
SoybeansUSd/Bu	1068	-0.2%	0.5%	7.0%	-8.0%
WheatUSd/Bu	567.25	4.3%	3.3%	2.9%	-1.5%
LumberUSD/1000 board feet	616.02	-1.6%	3.2%	12.0%	36.1%
Palm OilMYR/T	4115	4.8%	5.6%	-7.4%	5.5%
CheeseUSD/Lbs	1.918	-0.6%	4.4%	0.9%	-2.3%
MilkUSD/CWT	18.67	-0.4%	0.7%	-0.2%	-6.2%
RubberUSD Cents / Kg	161.3	-0.3%	-6.3%	-18.3%	-4.9%
Orange JuiceUSd/Lbs	233.2	-10.3%	-19.4%	-53.1%	-45.3%
CoffeeUSd/Lbs	318.73	-8.7%	-13.5%	-0.6%	41.8%
CottonUSd/Lbs	64.111	-2.0%	-2.3%	-6.2%	-8.2%
RiceUSD/cwt	13.535	-1.7%	2.9%	-3.5%	-25.4%
CanolaCAD/T	742.72	0.2%	3.8%	22.0%	24.2%
OatUSd/Bu	360.02	-6.9%	0.1%	8.9%	16.1%
WoolAUD/100Kg	1207	0.8%	1.5%	4.6%	4.1%
SugarUSd/Lbs	16.06	-3.2%	-7.7%	-16.8%	-17.3%
CocoaUSD/T	8637.5	-14.5%	-16.0%	-24.9%	9.5%
TeaINR/Kgs	214.24	4.5%	12.4%	26.0%	-1.8%
Sunflower OilINR/10 kg	1256.3	1.4%	-3.8%	-1.0%	34.8%
RapeseedEUR/T	505.79	2.3%	4.3%	-0.8%	9.5%
BarleyINR/T	2228	-1.2%	-3.7%	-8.1%	4.3%
ButterEUR/T	7433	-0.2%	0.8%	1.8%	12.8%
PotatoesEUR/100KG	16.3	2.5%	18.1%	-44.2%	-59.4%
CornUSd/BU	428.79	-3.5%	-7.0%	-6.5%	-1.4%

Nguồn: Update 20/06, tradingeconomics, MBS Research

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Metals	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
GoldUSD/t.oz	3367.9	-1.9%	1.4%	28.3%	45.1%
SilverUSD/t.oz	35.978	-0.9%	7.6%	24.6%	21.8%
CopperUSD/Lbs	4.8259	1.8%	4.3%	21.3%	8.6%
SteelCNY/T	2964	1.1%	-4.2%	-10.5%	-13.6%
LithiumCNY/T	60400	-0.4%	-4.2%	-19.5%	-35.4%
Iron Ore CNYCNY/T	707.5	0.4%	-3.0%	-9.2%	-12.8%
PlatinumUSD/t.oz	1258.9	4.2%	17.2%	40.8%	26.4%
HRC SteelUSD/T	872	1.2%	6.5%	23.0%	27.3%
Iron OreUSD/T	94.77	-0.6%	-5.3%	-8.5%	-11.4%
TitaniumCNY/KG	50.5	0.0%	0.0%	13.5%	0.0%

Index	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
CRB IndexIndex Points	383.47	0.9%	5.1%	7.5%	11.6%
LME IndexIndex Points	4129.9	0.5%	1.0%	5.7%	-1.0%
GSCI Index Points	581	2.2%	8.4%	5.7%	0.3%
SSE Consume Commodity	7692.8	-2.1%	-3.1%	-2.3%	2.3%
Containerized Freight	1869.6	-10.5%	26.4%	-24.0%	-46.2%
Nuclear Energy IndexUSD	36.75	1.0%	30.9%	37.3%	22.8%
Solar Energy IndexUSD	32.74	-6.8%	-3.5%	-2.8%	-24.3%
EU Carbon PermitsEUR	72.97	-3.9%	0.3%	0.0%	7.2%
Wind Energy IndexUSD	17.78	-0.6%	4.8%	20.1%	3.4%

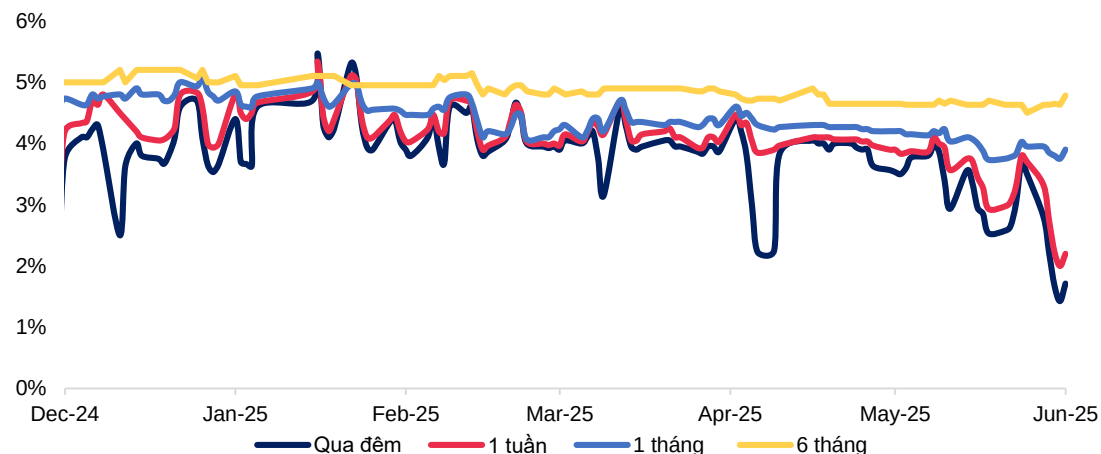
Industrial	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
BitumenCNY/T	3760	3.0%	6.9%	1.9%	6.2%
CobaltUSD/T	33335	0.0%	-1.1%	37.2%	22.8%
LeadUSD/T	1992.6	-0.2%	0.9%	2.1%	-9.1%
AluminumUSD/T	2556.5	2.0%	3.2%	0.2%	1.7%
TinUSD/T	32009	-2.0%	-3.3%	10.1%	-3.3%
ZincUSD/T	2640.8	0.5%	-1.9%	-11.3%	-7.2%
NickelUSD/T	15060	-0.3%	-3.7%	-1.6%	-12.6%
MolybdenumCNY/Kg	471	-1.8%	2.1%	0.4%	-4.4%
PalladiumUSD/t.oz	1041	1.7%	0.9%	17.1%	14.3%
RhodiumUSD/t oz.	5475	-1.8%	-0.5%	19.7%	15.3%
PolyethyleneCNY/T	7466	4.6%	2.3%	-12.4%	-12.1%
PolyvinylCNY/T	4838	1.6%	-0.4%	-1.8%	-19.8%
PolypropyleneCNY/T	7278	2.9%	2.3%	-1.4%	-5.2%
Soda AshCNY/T	1304	-0.5%	-6.5%	-14.7%	-38.1%
NeodymiumCNY/T	547500	-0.9%	2.3%	10.2%	19.7%
TelluriumCNY/Kg	685	-2.8%	-7.4%	6.2%	7.9%
UreaUSD/T	432.5	13.4%	-6.5%	28.2%	40.7%
Di-ammoniumUSD/T	715	-1.0%	9.2%	23.8%	33.6%
MagnesiumCNY/T	17300	-0.3%	-5.0%	1.8%	-9.0%
GalliumCNY/Kg	1725	0.0%	0.0%	-16.9%	-26.4%
GermaniumCNY/Kg	14900	0.0%	-0.7%	-15.1%	46.1%
ManganeseCNY/mtu	29.35	0.0%	-3.0%	2.1%	-25.7%
IndiumCNY/Kg	2495	0.0%	0.0%	-2.0%	-18.9%
Kraft PulpCNY/T	5124	-3.1%	-5.5%	-12.6%	-12.0%

Nguồn: Update 20/06, tradingeconomics, MBS Research

Lãi suất

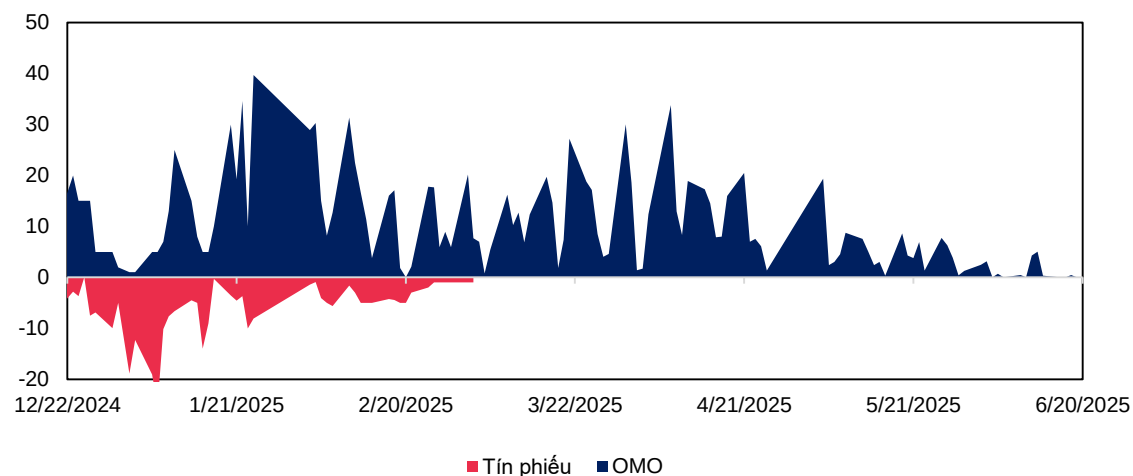
- Tuần vừa qua, thị trường mở ghi nhận duy nhất 1 phiên trúng thầu qua kênh OMO vào ngày 18/6 với khối lượng trúng thầu đạt 485.3 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 14 ngày và lãi suất 4%. Khối lượng đáo hạn qua giấy tờ có giá khoảng 8.9 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN đã hút ròng khỏi hệ thống 8.4 nghìn tỷ đồng, tính trong cả tháng 6, Nhà điều hành đã hút khỏi hệ thống hơn 22 nghìn tỷ đồng.
- Mặc động thái hút ròng của NHNN, lãi suất liên ngân hàng vẫn giảm mạnh ở hầu hết các kỳ hạn ngắn cho thấy thanh khoản hệ thống vẫn dồi dào và nhu cầu vay vốn ngắn hạn suy yếu. Cụ thể, lãi suất qua đêm và 1 tuần lần lượt giảm mạnh 178 đcb và 150 đcb so với tuần trước, dao động quanh mức 1.7% - 2.2%. Lãi suất 1 tháng giảm nhẹ xuống 3.9% (- 5 đcb so với tuần trước). Tuy nhiên, kỳ hạn 6 tháng tăng 28.3 đcb lên mức 4.8%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

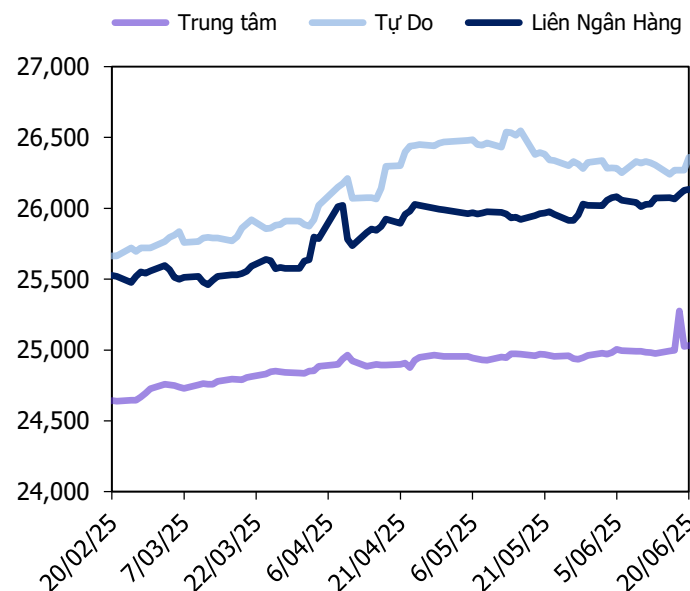


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

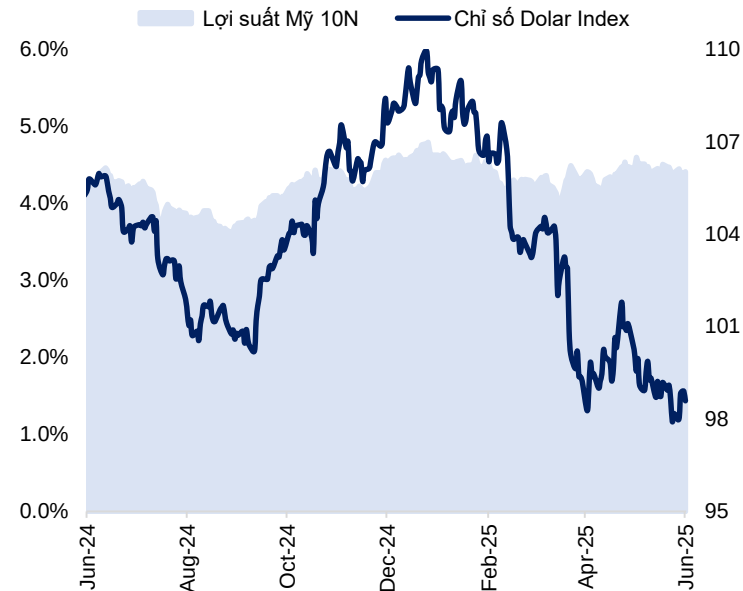
Chỉ số DXY phục hồi nhẹ trong tuần qua, tăng lên 98.5 điểm (+0.4% so với tuần trước) trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông và lo ngại lạm phát tiếp tục gia tăng. Tại cuộc họp tháng 6, Fed quyết định giữ nguyên mức lãi suất như kỳ vọng, Chủ tịch Jerome Powell nhấn mạnh rằng lạm phát có thể gia tăng đáng kể trong vài tháng tới, đồng thời phát đi tín hiệu thận trọng về khả năng cắt giảm lãi suất. Sức mạnh của đồng bạc xanh cũng được hỗ trợ bởi vai trò tài sản trú ẩn trong bối cảnh chiến sự leo thang. Về dữ liệu kinh tế, doanh số bán lẻ tại Mỹ trong tháng 5 giảm mạnh 0.9%, vượt xa so với mức 0.6% của dự báo. Trong nước, tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng ghi nhận mức 26,134 đồng (+2.7% so với đầu năm). Trên thị trường tự do, tỷ giá đạt 26,360 đồng (+2.4% so với đầu năm), trong khi tỷ giá trung tâm do NHNN công bố ở mức 24,031 đồng (+2.8% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



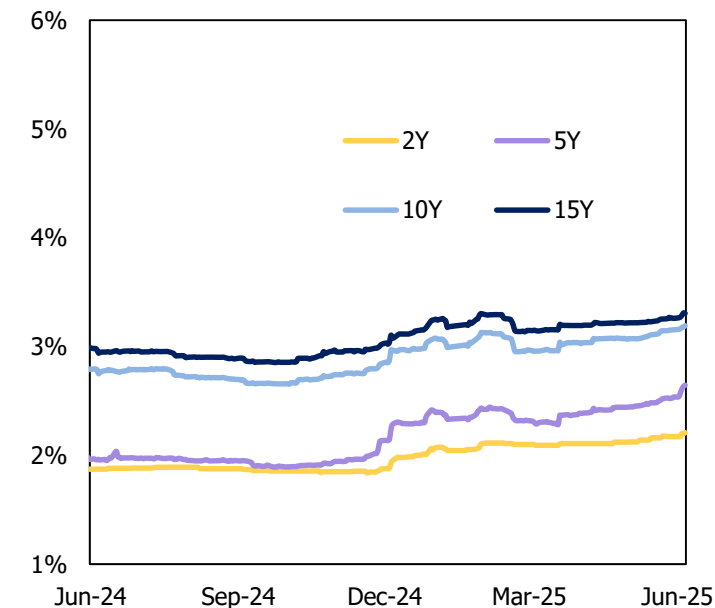
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP



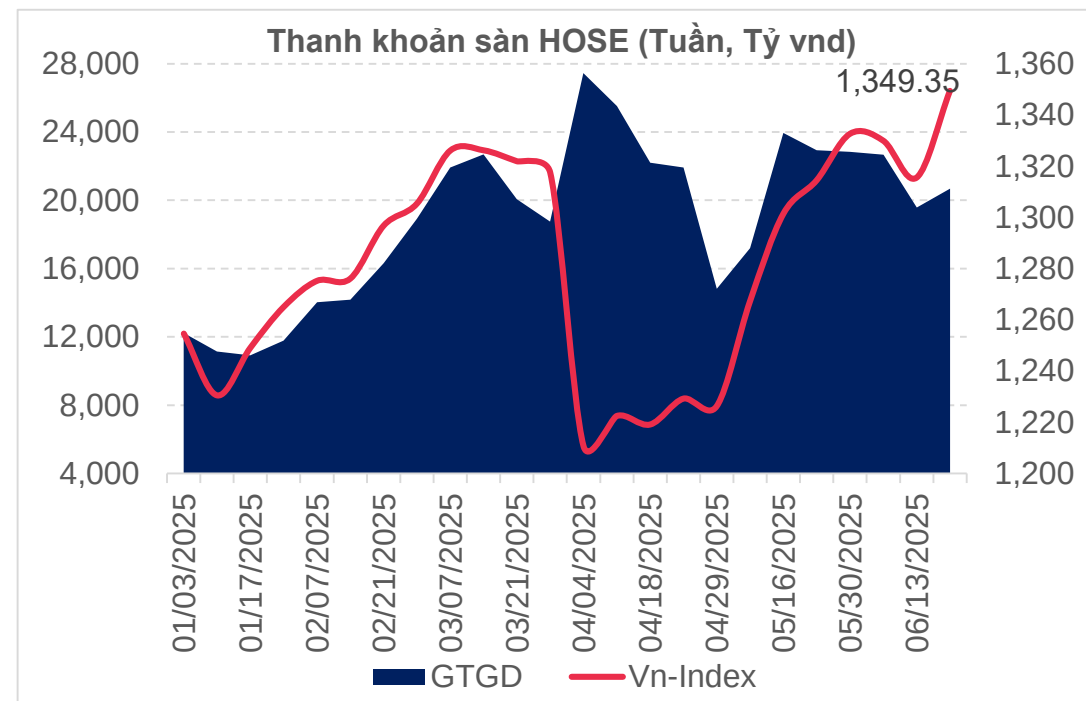
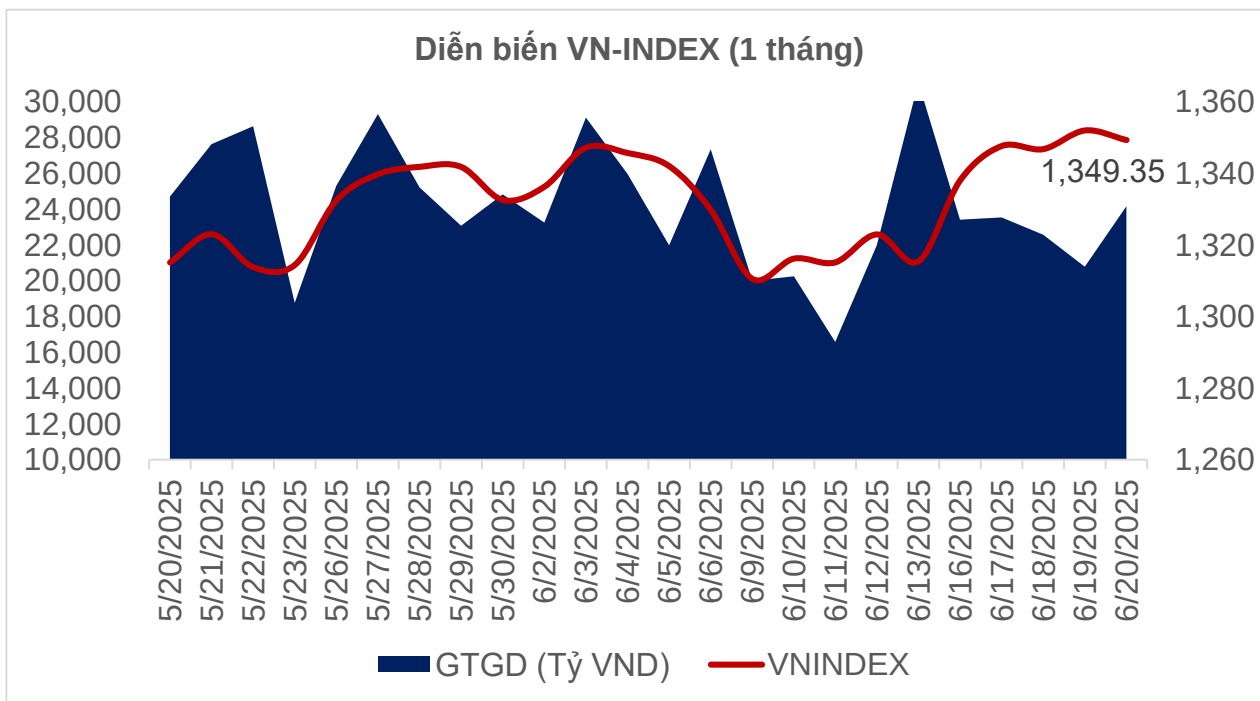
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Vn-Index vượt đỉnh lên mức cao nhất 3 năm nhưng thanh khoản sụt giảm

Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.349,35 điểm, tăng +33,86 điểm, tương đương tăng +2,57% so với tuần trước, ở mức giá đóng cửa chỉ số này đang ở mức cao nhất 3 năm. Nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap cũng tăng lần lượt +2,57% và +1,1% trong khi nhóm Bluechips (Vn30) cũng vọt +2,43% nhưng chưa vượt vùng dao động tháng 5 vừa qua.

Độ rộng thị trường ghi nhận một tuần tăng trên diện rộng với có hơn 80% số nhóm cổ phiếu tăng điểm. Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh như: Thủy sản (+6,99%), Hóa chất (+5,02%), Dầu khí (+4,81%), ... ở chiều ngược lại, nhóm Viettel và Logistics giảm nhẹ -0,5% và -0,25%.

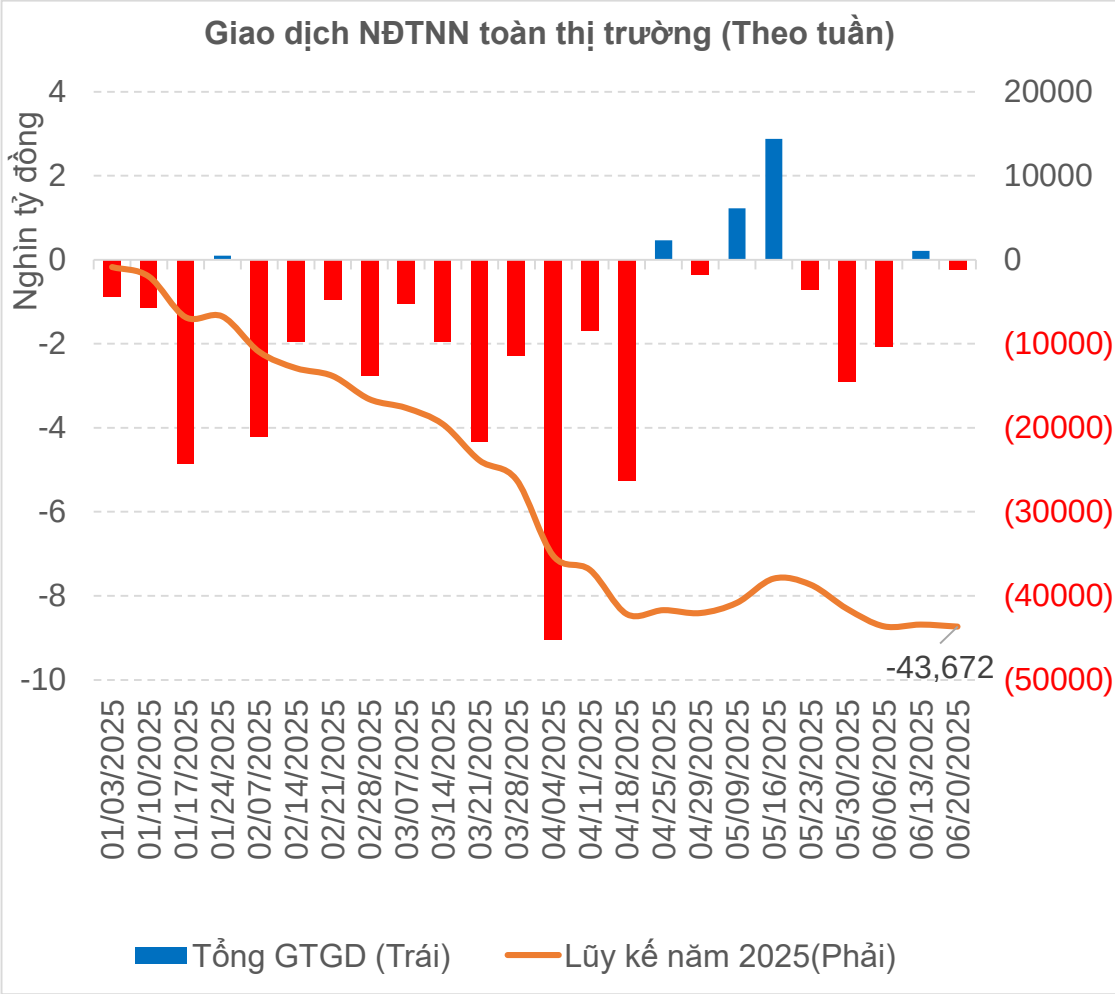
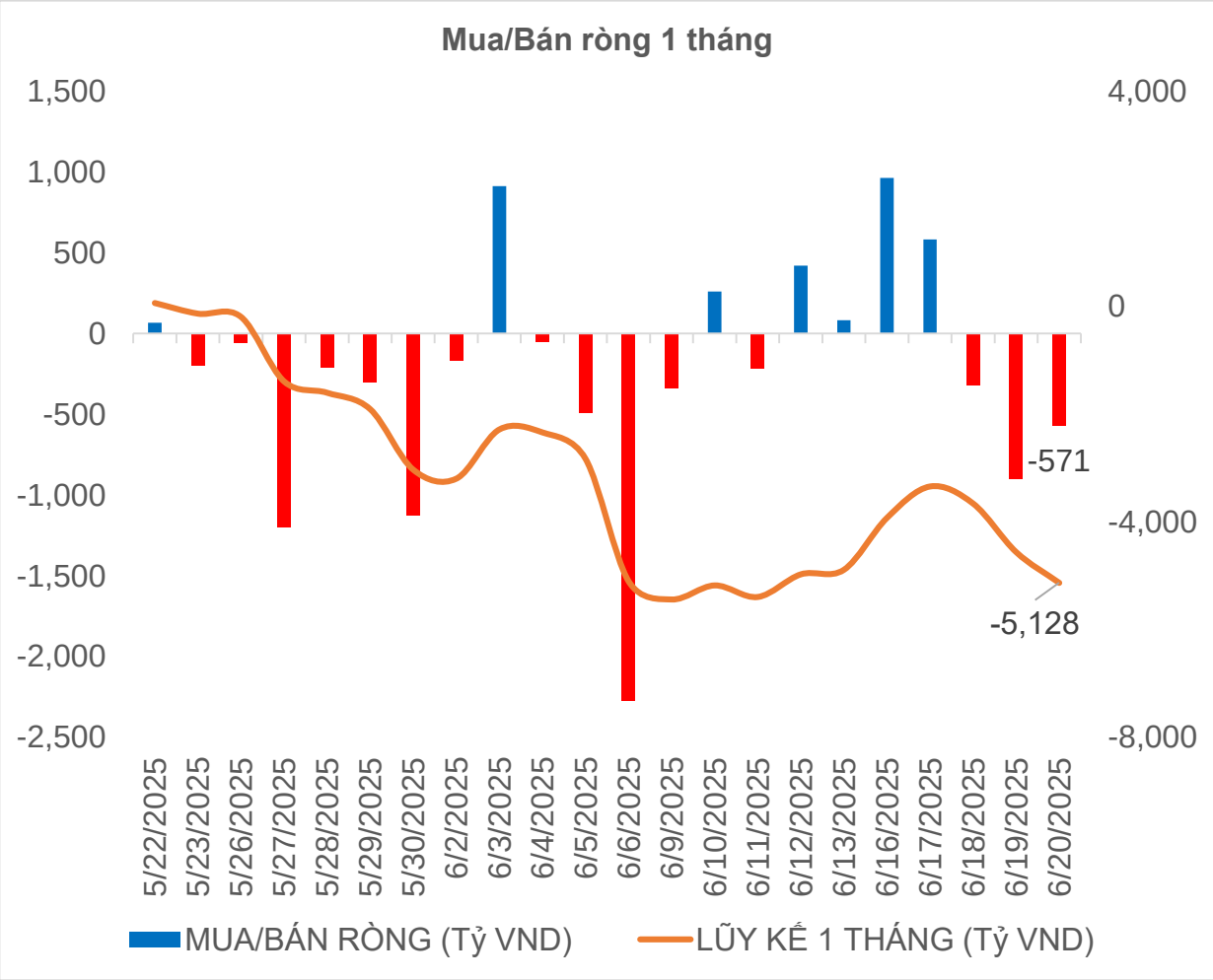
Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 22.898 tỷ đồng, tăng +4,2% so với tuần trước đó, trong khi thanh khoản khớp lệnh chỉ nhích nhẹ +0,2% lên 20.525 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 6 đạt 23.473 tỷ đồng, giảm -2,4% so với tháng 5 và thấp hơn gần -11% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 20.086 tỷ đồng, giảm -14% so với cùng kỳ nhưng vẫn tương đương so với mức bình quân năm 2024.



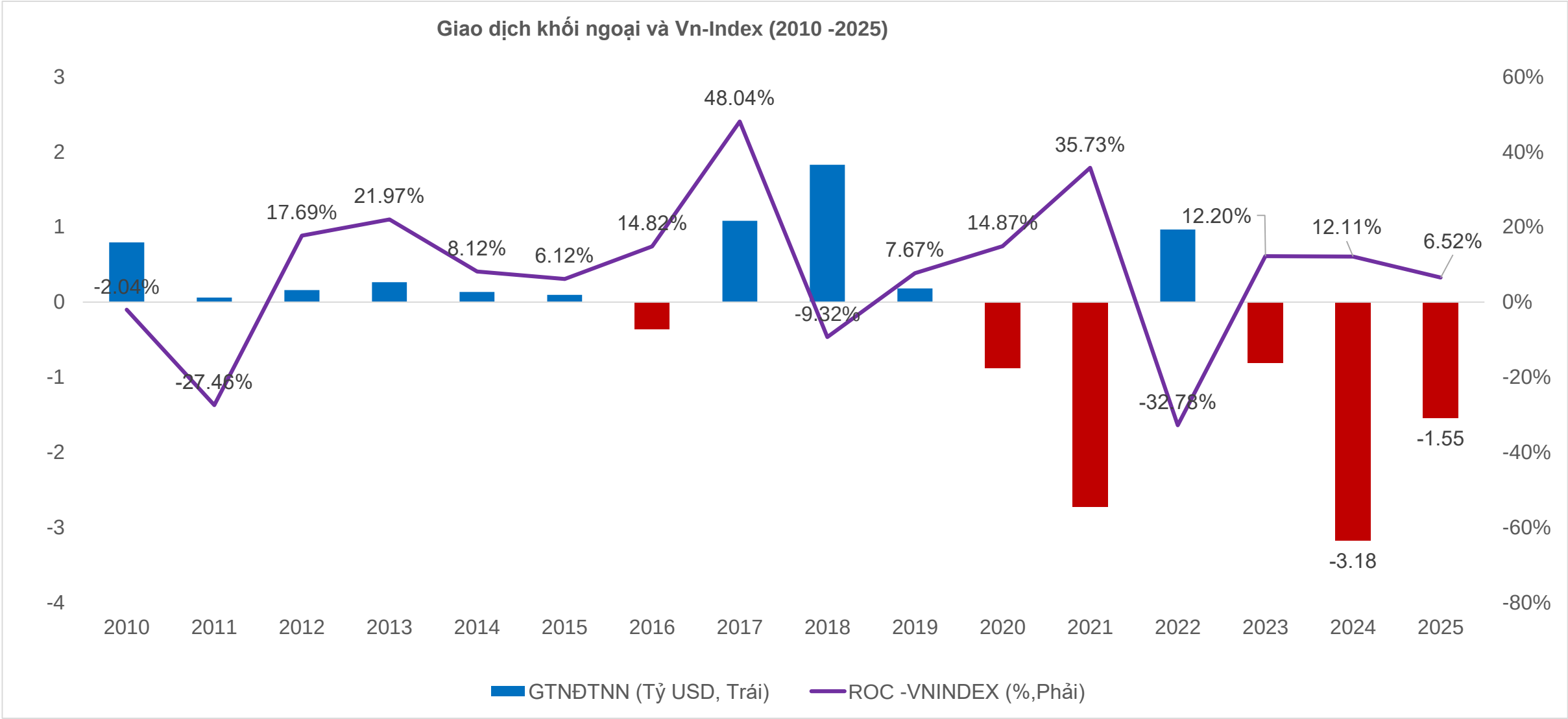
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -243 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -43.672 tỷ đồng



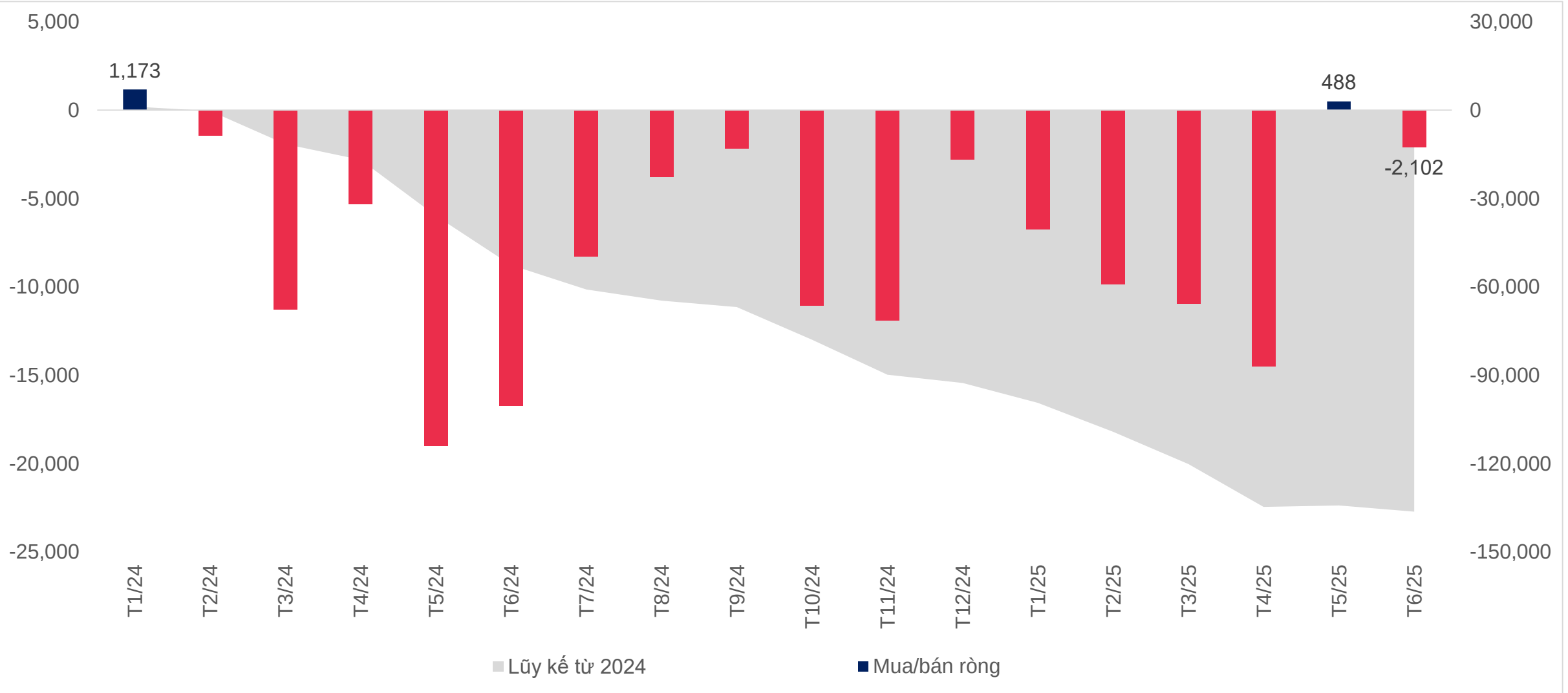
Năm ngoại khối ngoại bán ròng kỷ lục 3,2 tỷ USD trên sàn HOSE, kể từ đầu năm nay khối ngoại chỉ còn bán ròng 1,55 tỷ USD



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại quay lại bán ròng ở tháng 6 sau khi mua ròng trong tháng 5 (tháng đầu tiên khối ngoại quay lại mua ròng kể từ tháng 2/2024) (Tỷ VND)



USD Index đã giảm giá -9,25% kể từ đầu năm và hiện dưới ngưỡng 100 điểm tạo điều kiện cho dòng vốn đầu tư quốc tế quay lại Châu Á. Các đồng tiền đang bị định giá thấp sẽ mạnh lên, tạo ra 3 tác động tích cực đồng thời: Tiền nước ngoài tràn vào, lãi suất thực giảm và giá tài sản tăng.

Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	31-Mar-25			4,272	8,606	8,606	19,065
India	18-Jun-25	-69	-53	-145	2,864	-10,673	-9,718
Indonesia	19-Jun-25	-76	-109	-317	-1,213	-3,043	-1,362
Japan	13-Jun-25		3,286	4,530	43,437	6,091	-30,705
Malaysia	19-Jun-25	-26	-85	-282	-462	-2,704	-3,586
Philippines	20-Jun-25	-15	-62	-54	-367	-577	-458
S. Korea	20-Jun-25	448	257	3,856	-2,212	-7,521	-21,951
Sri Lanka	19-Jun-25	0.3	-0.2	-2	1	-35	-37
Taiwan	20-Jun-25	-164	-238	282	7,679	-10,611	-36,733
Thailand	19-Jun-25	-21	-184	-238	-1,159	-2,331	-3,514
Vietnam	19-Jun-25	-34	17	-48	-542	-1,546	-3,238

Đồng nội tệ của các nước Châu Á so với đồng USD (%)

Country Spot	5 Day	1 Mon	3 Mon	6 Mon	Year-Dt
Malaysian Ringgit(MYR)	-0.18	1.03	4.04	5.94	5.14
Indonesian Rupiah(IDR)	-0.55	0.18	0.55	-1.16	-1.73
Thai Baht(THB)	-0.97	0.96	2.89	5.25	4.10
Japanese Yen(JPY)	-0.90	-0.60	2.34	7.52	8.13
Singapore Dollar(SGD)	-0.20	0.80	3.88	5.53	6.29
Hong Kong Dollar(HKD)	0.00	-0.29	-0.98	-0.94	-1.03
Chinese Renminbi(CNY)	0.03	0.51	0.96	1.60	1.65
Indian Rupee(INR)	-0.58	-1.10	-0.26	-1.81	-1.13
Offshore Chinese Renminbi(CNH)	0.12	0.48	0.99	1.55	2.19
Vietnamese Dong(VND)	-0.22	-0.65	-2.20	-2.59	-2.48
Taiwanese Dollar(TWD)	0.43	2.22	11.85	10.78	11.08
Philippine Peso(PHP)	-1.74	-2.70	0.11	2.86	1.19
South Korean Won(KRW)	-0.40	1.85	7.24	5.73	7.54

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Mặc dù các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực nhưng dòng vốn vẫn tiếp tục bị rút ròng

	Fund Assets (M USD)	NAV Currency	NAV	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	413.95	USD	13.40	-1.69%	16.38%	5.11%	0.00	3.45	-26.03	-57.98	-110.44
SSIAM VNFIN LEAD ETF	15.76	VND	24,364.34	0.63%	8.37%	13.83%	0.00	-1.81	-3.34	-4.45	-14.52
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	263.27	EUR	24.42	-1.96%	3.02%	-1.22%	0.00	-12.19	-18.38	-23.71	-57.98
DCVFMVN30 ETF Fund	223.27	VND	24,988.24	0.93%	6.60%	9.21%	-0.57	-5.30	-23.08	-49.93	-69.47
Fubon FTSE Vietnam ETF	533.19	TWD	11.99	-2.62%	2.32%	-1.00%	-0.60	-20.17	-72.40	-119.82	-249.99
DCVFMVN Diamond ETF	437.83	VND	32,836.51	1.78%	-2.83%	-1.06%	-1.87	12.85	-15.72	-32.87	-118.15
MAFN VN30 ETF	32.87	VND	17,386.09	-0.86%	5.65%	9.48%	0.33	0.40	0.76	3.80	15.58
KIM Growth VN30 ETF	74.92	VND	9,671.44	-0.10%	6.91%	10.10%	-1.66	-1.92	0.12	1.17	22.85
	1,995.06						-4.37	-24.68	-158.06	-283.81	-582.12

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

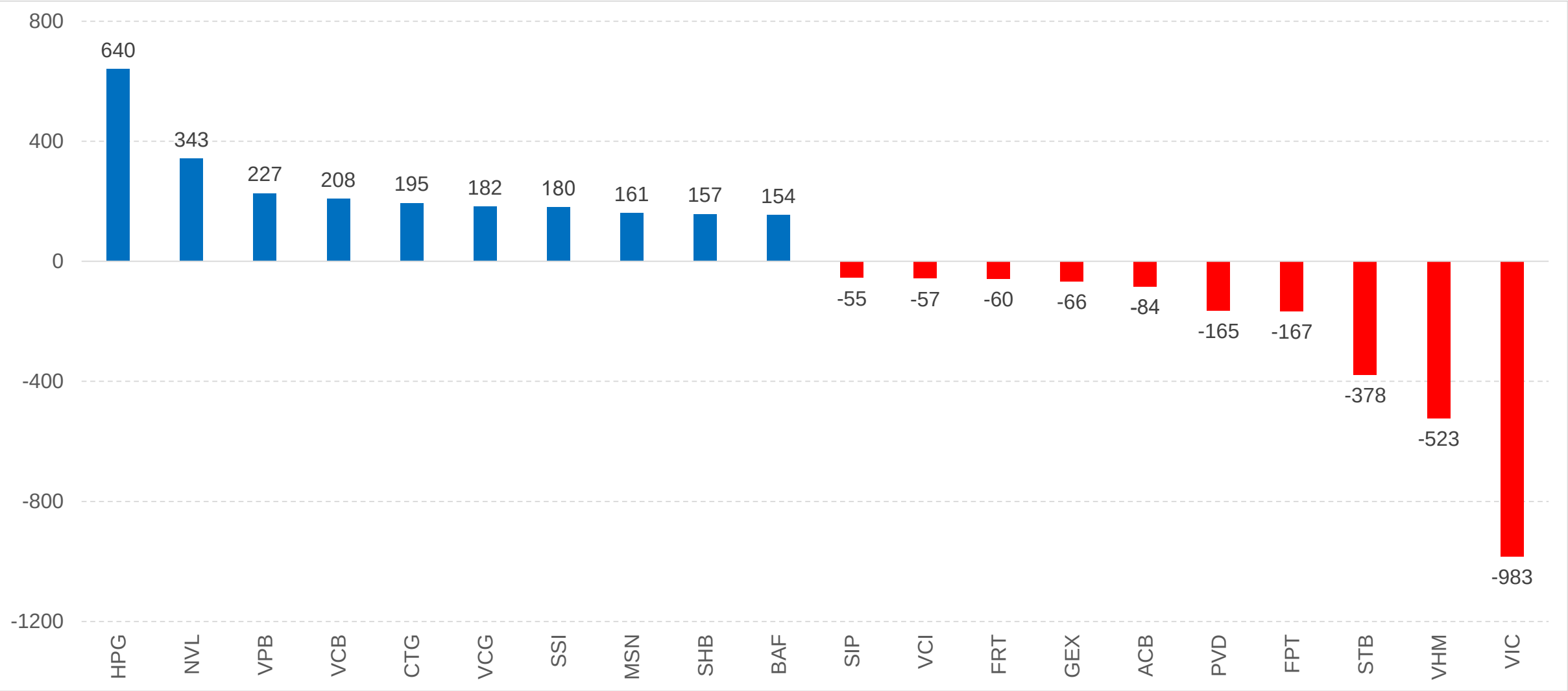


Dòng vốn ETF ở các thị trường lớn khu vực Châu Á

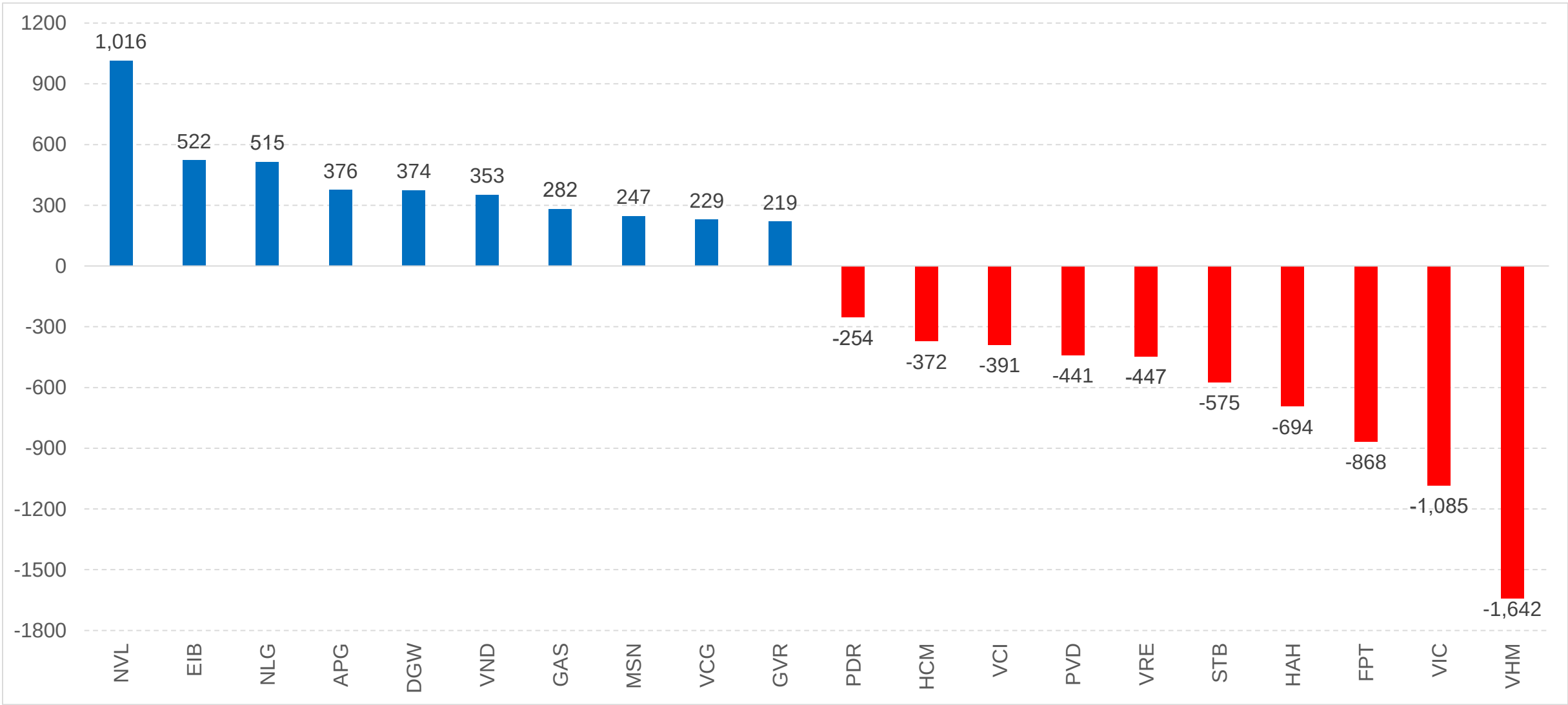
Asset Group (M USD)	1D	1W	1M	3M	YTD	1Y	3Y	5Y
China	914	790	5,679	38,373	15,994	103,415	225,848	300,308
Hong Kong	258	1,263	-421	2,594	277	4,354	26,205	53,140
India	-4	157	403	1,755	646	3,587	27,140	29,210
Indonesia	-1	-14	-8	11	135	107	63	56
Japan	316	-447	-12,913	-2,650	3,991	-732	29,411	83,802
Malaysia		4	8	-16	-27	10	52	37
Pakistan				-1	-2	-5	11	3
Philippines			-1	12	12	-3	-2	9
Singapore	17	36	205	91	291	555	494	1,086
South Korea	194	39	1,400	4,587	6,367	11,163	45,365	47,353
Taiwan	-665	339	5,099	12,766	20,317	29,606	46,554	59,715
Vietnam		-4	-25	-160	-289	-644	-453	392
Thailand		10		-57	-35	-84	-108	4
ASEAN Countries		-7	-29	-122	-133	153	256	280
Asian Pacific Region	2	23	33	126	-5	-1,028	-1,269	2,454
Asian Pacific Region ex Japan	55	218	792	1,730	2,734	-665	-8,835	8,677
Greater China	-4	82	40	610	1,098	1,680	2,711	61
South East Asia Region		-3	-12	-75	-116	199	218	216

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE 1 tháng qua (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



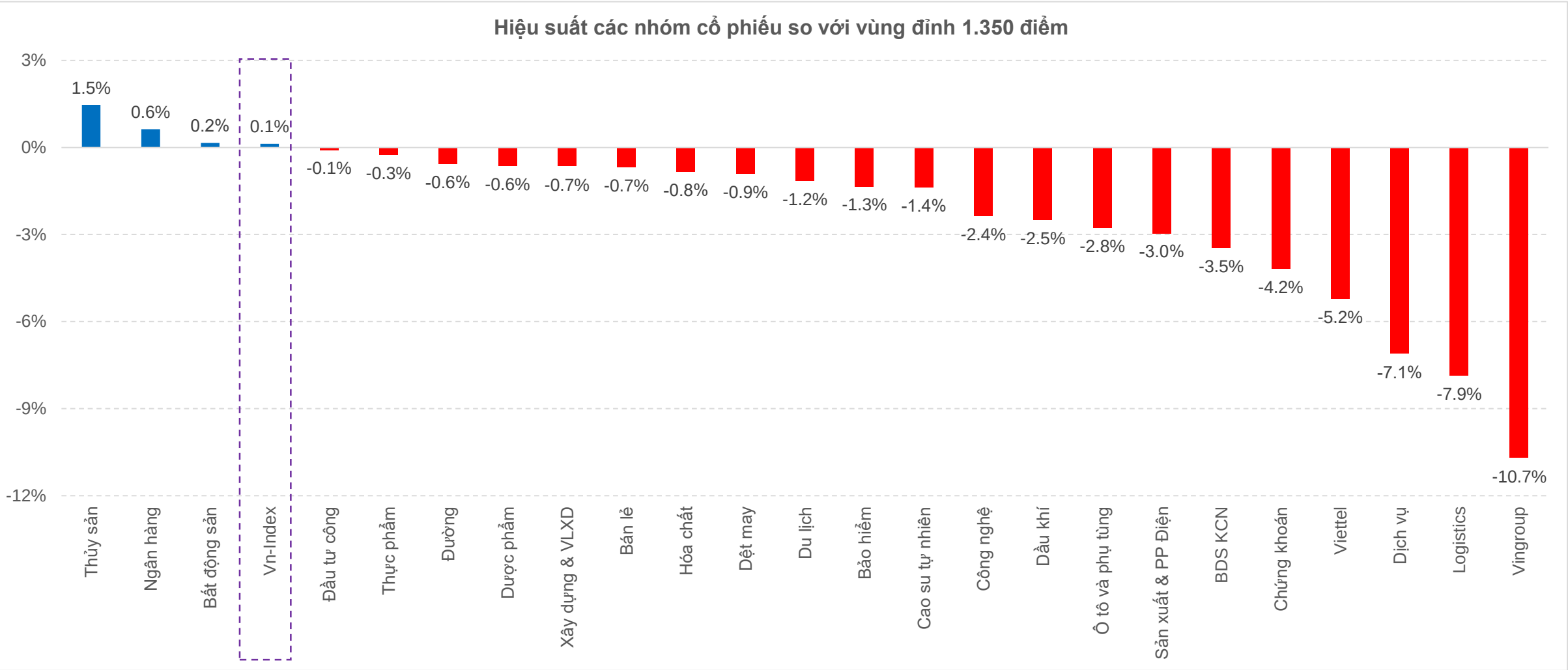
Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	06/20/2025	06/13/2025	06/06/2025	05/30/2025	05/23/2025
Dầu khí	50.8%	6.2%	48.5%	57.4%	-18.5%
Ngân hàng	19.8%	8.8%	-8.5%	-26.5%	-14.4%
Chứng khoán	-18.1%	-39.2%	22.8%	4.5%	-2.4%
Bất động sản	-13.2%	-22.9%	-2.0%	74.5%	17.7%
Dệt may	28.8%	-28.1%	-42.3%	154.4%	-26.0%
Bán lẻ	-19.6%	24.8%	-9.6%	13.3%	-22.8%
Vingroup	-6.2%	-8.9%	-28.6%	-11.3%	13.3%
Xây dựng & VLXD	-7.8%	7.1%	-10.4%	51.8%	-36.3%
Thực phẩm	28.2%	-18.8%	37.4%	-19.7%	-7.3%
Thủy sản	61.7%	-11.8%	-51.7%	101.4%	-37.1%
Logistics	5.5%	6.3%	-43.2%	80.1%	0.2%
Dược phẩm	143.6%	-15.2%	-27.6%	0.3%	42.0%
Sản xuất & PP Điện	-23.6%	-32.0%	16.7%	-0.1%	10.4%
Đầu tư công	1.9%	-21.5%	-3.3%	-9.1%	29.4%
Hóa chất	40.0%	13.4%	-1.0%	15.0%	-3.0%
Cao su tự nhiên	20.7%	-21.6%	-15.6%	83.8%	-31.1%
Bảo hiểm	36.8%	-34.5%	-15.3%	46.8%	-12.8%
Ô tô và phụ tùng	-15.8%	-3.5%	2.8%	1.8%	-6.8%
Dịch vụ	-24.1%	4.4%	6.7%	-10.4%	35.0%
BDS KCN	5.5%	-20.3%	-32.9%	29.8%	-11.4%
Viettel	-36.6%	165.9%	3.7%	-34.4%	-13.5%
Du lịch	47.7%	-25.0%	-19.6%	28.5%	-1.9%
Công nghệ	28.6%	28.3%	-14.4%	-39.1%	-26.2%
Đường	39.3%	-5.4%	-25.1%	3.2%	-2.8%

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	06/20/2025	06/13/2025	06/06/2025	05/30/2025	05/23/2025
Dầu khí	6.3%	4.3%	3.7%	2.4%	1.6%
Ngân hàng	25.0%	21.6%	18.0%	18.9%	27.1%
Chứng khoán	10.0%	12.6%	18.9%	14.7%	14.8%
Bất động sản	12.5%	14.9%	17.6%	17.2%	10.4%
Dệt may	0.7%	0.5%	0.7%	1.1%	0.5%
Bán lẻ	4.5%	5.8%	4.2%	4.5%	4.2%
Vingroup	5.4%	6.0%	6.0%	8.0%	9.5%
Xây dựng & VLXD	6.6%	7.4%	6.3%	6.8%	4.7%
Thực phẩm	4.4%	3.6%	4.0%	2.8%	3.7%
Thủy sản	0.6%	0.4%	0.4%	0.8%	0.4%
Logistics	2.8%	2.7%	2.3%	4.0%	2.3%
Dược phẩm	0.6%	0.2%	0.3%	0.3%	0.4%
Sản xuất & PP Điện	1.2%	1.6%	2.2%	1.8%	1.9%
Đầu tư công	2.6%	2.6%	3.0%	3.0%	3.5%
Hóa chất	6.1%	4.5%	3.6%	3.5%	3.2%
Cao su tự nhiên	0.3%	0.3%	0.3%	0.4%	0.2%
Bảo hiểm	0.2%	0.2%	0.2%	0.3%	0.2%
Ô tô và phụ tùng	0.8%	0.9%	0.9%	0.8%	0.9%
Dịch vụ	1.2%	1.6%	1.4%	1.2%	1.4%
BDS KCN	2.2%	2.1%	2.4%	3.5%	2.8%
Viettel	1.3%	2.1%	0.7%	0.7%	1.1%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	4.5%	3.6%	2.6%	2.9%	5.0%
Đường	0.3%	0.2%	0.2%	0.3%	0.3%

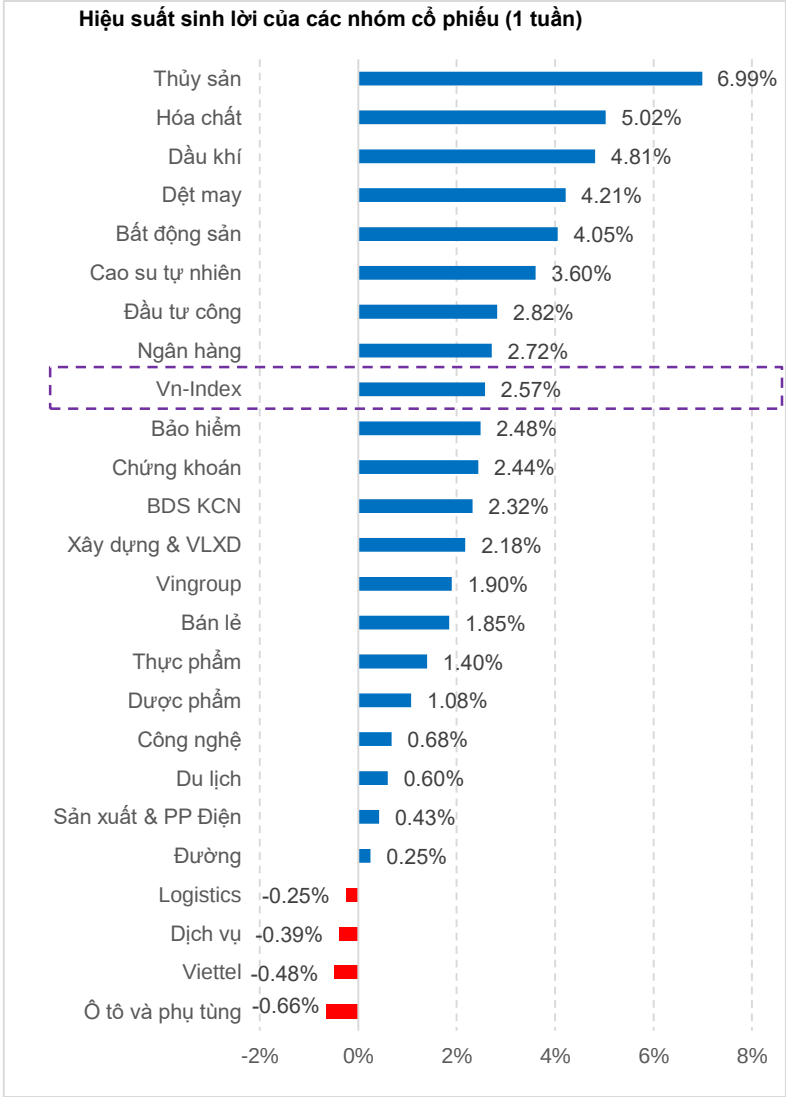
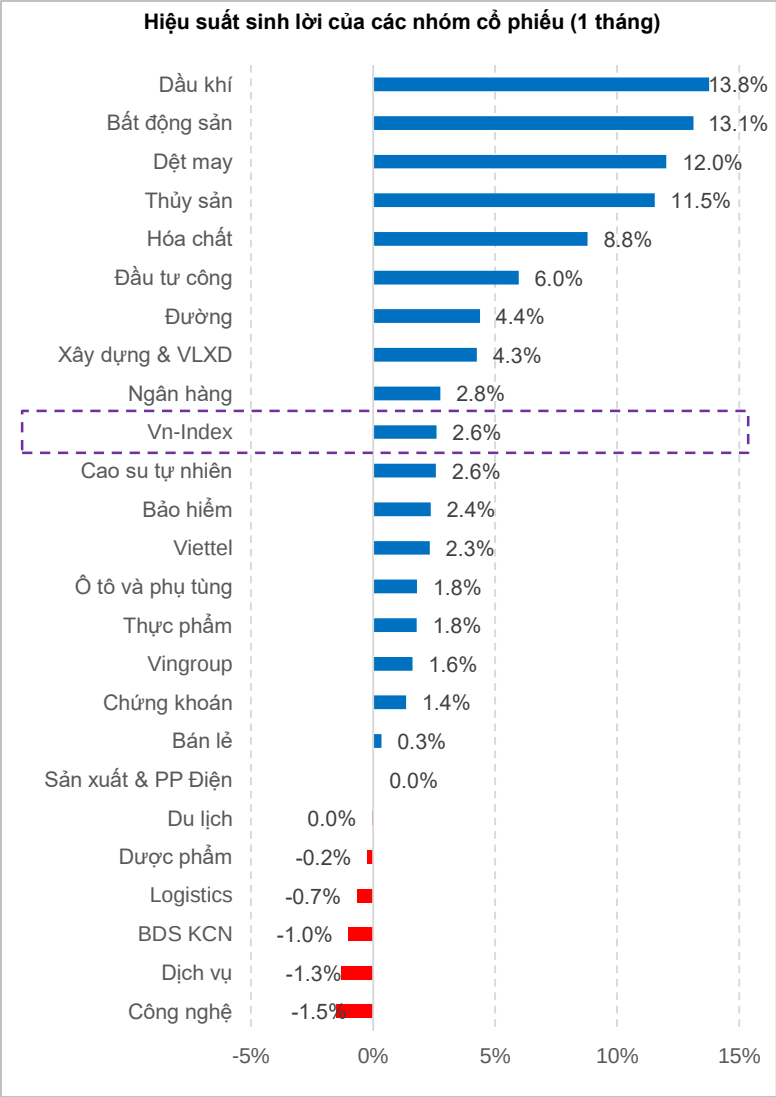
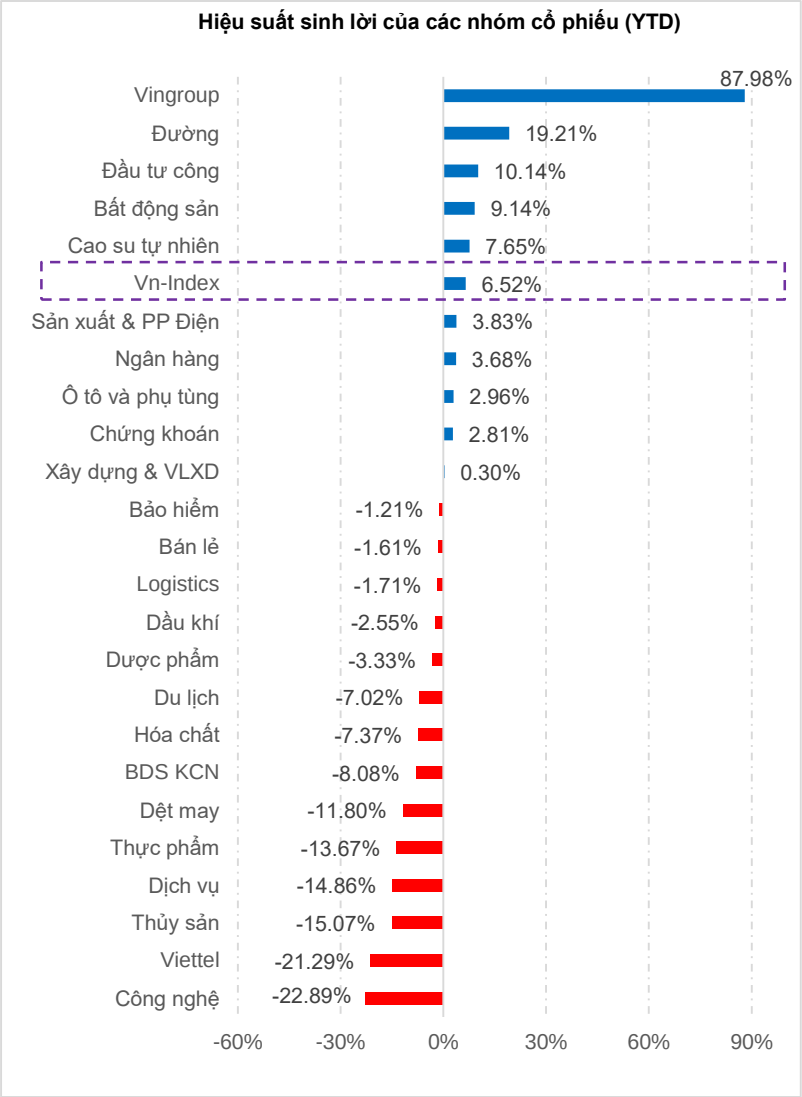
Chỉ số Vn-Index vượt đỉnh lên mức cao nhất 3 năm nhưng có rất ít nhóm cổ phiếu vượt ngưỡng 1.350 điểm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phần

STT	MCK	Giá đóng cửa (20/06)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1349.35	2.57	2.60	6.52	
1	HPG	27.00	2.27	5.26	1.31	725
2	MBB	25.80	3.82	3.82	18.30	687
3	FPT	116.10	0.61	-1.77	-23.22	681
4	TCB	34.00	8.97	9.85	37.93	657
5	VPB	18.45	1.65	1.37	-1.30	647
6	SHB	13.10	1.55	1.84	47.16	618
7	NVL	15.45	8.04	30.38	50.73	498
8	SSI	24.00	3.67	2.13	-7.87	476
9	STB	46.60	3.79	17.97	26.29	458
10	MWG	64.10	1.42	-0.93	5.08	435
11	VIC	86.80	1.52	-5.14	114.06	422
12	MSN	67.50	3.21	7.66	-3.57	414
13	VHM	70.20	2.63	11.61	75.50	380
14	PVS	34.70	-0.29	28.04	2.36	369
15	CTG	41.30	3.51	4.56	9.26	342

STT	MCK	Giá đóng cửa (20/06)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	CEO	17.90	2.87	38.76	35.61	289
17	GEX	35.10	3.54	15.46	96.59	279
18	DBC	30.60	0.82	10.47	10.27	278
19	PVD	21.05	2.93	14.09	-10.04	267
20	VIX	12.55	1.56	-0.73	34.04	262
21	DPM	38.35	7.72	13.63	9.57	258
22	DGC	96.80	4.42	7.68	-16.98	257
23	VND	16.65	3.10	9.90	32.14	255
24	VCB	57.10	1.60	0.00	-6.33	252
25	HCM	25.75	2.18	-0.39	-9.49	249
26	EIB	23.50	3.75	18.09	21.76	240
27	HDB	22.15	2.55	-0.67	-13.14	234
28	VCG	21.35	8.38	9.40	31.70	229
29	VNM	56.60	1.98	1.25	-7.57	220
30	HAH	70.00	0.14	-0.71	41.41	216

Nguồn: MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phần

STT	MCK	Giá đóng cửa (20/06)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1349.35	2.57	2.60	6.52	
31	DCM	36.40	6.74	9.15	2.25	210
32	DXG	16.30	3.49	14.34	27.69	209
33	PDR	18.00	7.46	8.11	-13.04	198
34	ACB	21.45	1.90	0.27	-0.51	198
35	DIG	17.35	3.58	15.94	-2.77	184
36	GAS	69.50	7.92	14.88	2.06	183
37	DGW	44.50	10.42	35.48	12.39	173
38	BAF	35.80	2.14	-0.14	27.40	170
39	VCI	35.80	1.27	-3.11	8.61	163
40	MSB	12.05	0.84	1.69	3.43	145
41	CII	14.20	1.07	-0.35	1.79	137
42	VPI	52.00	-0.57	1.56	-13.04	136
43	CTD	83.50	4.11	2.20	21.54	136
44	VSC	16.25	-0.91	-7.25	31.84	134
45	NLG	35.70	-4.67	6.09	-1.02	133

STT	MCK	Giá đóng cửa (20/06)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
46	KBC	25.75	5.53	-4.28	-5.33	127
47	SHS	12.90	0.78	0.00	19.11	122
48	BID	36.00	1.27	-0.55	-4.13	121
49	HSG	16.60	1.84	1.84	-7.40	120
50	HDG	25.95	6.35	16.55	0.20	119
51	PLX	39.15	3.85	16.27	7.90	118
52	GVR	29.20	7.35	5.42	-3.79	115
53	TPB	13.35	1.14	-1.11	-13.99	111
54	BSR	18.40	-0.54	5.44	-19.30	111
55	VIB	18.10	1.12	-0.55	-4.48	104
56	HHS	14.90	-2.61	12.45	100.81	102
57	TCH	19.45	2.10	6.87	28.38	101
58	GMD	55.90	0.54	1.08	-14.26	100

Nguồn: MBS Research

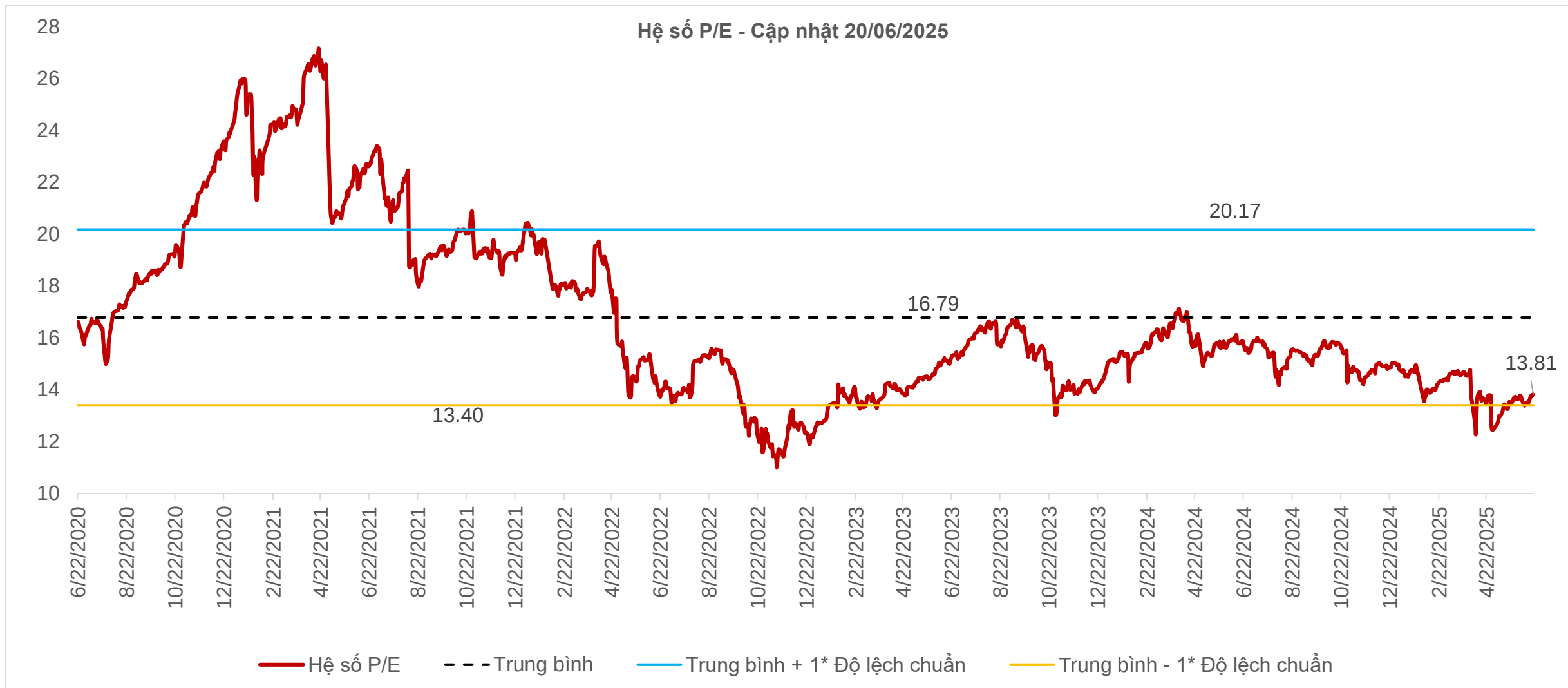
Chỉ số Vn-Index vượt đỉnh từ đầu năm, lên mức cao nhất 3 năm nhưng tạo sự phân kỳ dẫn đến nguy cơ điều chỉnh ngắn hạn

Kịch bản cơ sở, chỉ số Vn-Index kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1.300 điểm trong khi chờ tin thuế quan, kịch bản thận trọng thị trường điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.270 – 1.280 điểm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Trong 7 năm trở lại đây, xác suất thị trường tăng điểm trong tháng 6 không cao (28,6%)

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	1.26						
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

Nguồn: Bloomberg

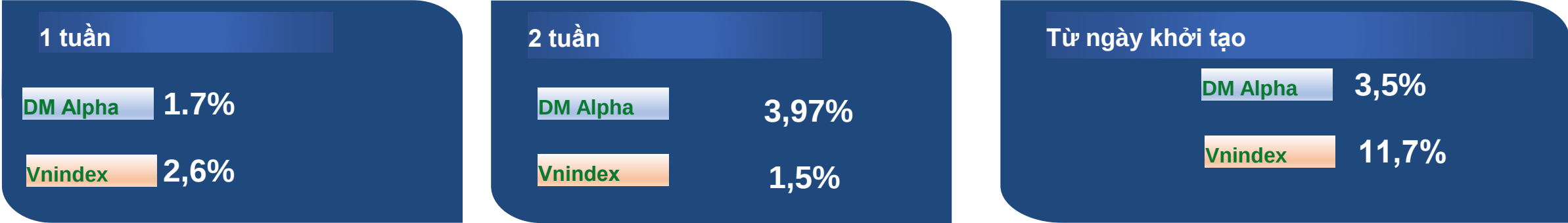
👉 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha
 Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
 Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	VCG	21,600	4/25/2025	25,000	20,300	15.74%	-6.02%	39	6/20/2025	24,100	11.57%
2	CTG	37,200	4/24/2025	42,000	35,000	12.90%	-5.91%	40	6/20/2025	41,300	11.02%
3	MWG	60,000	5/8/2025	78,000	56,500	30.00%	-5.83%	30	6/20/2025	64,100	6.83%
4	FPT	114,000	5/8/2025	130,000	102,000	14.04%	-10.53%	30	6/20/2025	116,100	1.84%
5	FRT	172,000	5/5/2025	202,000	163,000	17.44%	-5.23%	32	6/20/2025	172,200	0.12%

CTG Việc giảm nhẹ trích lập dự phòng và phục hồi mạnh hơn của thu nhập ngoài lãi trong sẽ thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2025. Mặc dù chi phí trích lập dự báo không tang mạnh trong giai đoạn 2025/2026, chất lượng tài sản vẫn sẽ được cải thiện nhờ đẩy mạnh thu hồi nợ xấu. Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với CTG với giá mục tiêu mới là 52,100 VND/cp, nhờ điều chỉnh tăng P/B mục tiêu lên 1.5x nhờ triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong 2 năm t

VCG VCG được hưởng lợi đáng kể trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công dự kiến tăng trưởng 14% và ngành xây dựng dân dụng có triển vọng phục hồi tốt. Backlog mảng xây dựng dự kiến đạt mức 19,486 (+8% svck) nhờ trúng thầu tại các dự án lớn như sân bay Long Thành, cao tốc Bắc - Nam và đường Vành đai 3.5 (HN).
- Đối với mảng BĐS, triển vọng khả quan nhờ khả năng bán 1 phần dự án Cát Bà (hiện tại đang đàm phán với 1 số đối tác) và mở bán dự án Móng Cái , Bạch Mai. Nhờ đó, LN mảng BĐS dự kiến tăng trưởng 20% svck.
- Định giá ở mức hấp dẫn: Hiện tại PE forward của DN khoảng 9.5 (thấp hơn mức trung bình 11 trong 3 năm gần đây)

MWG Năm 2025, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng MWG đạt 5,180 tỷ đồng (+ 39% svck) với động lực chính từ sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ của chuỗi TGDD&DMX và sự mở rộng khu vực mới của BHX, cụ thể:
(1) Năm 2024, hầu hết các mảng kinh doanh chủ lực của ICT-CE đều ghi nhận tăng trưởng 2 chữ số sv mức nền thấp cùng kỳ. 2 tháng đầu năm 2025, doanh thu ICT-CE ghi nhận mức tăng trưởng 2 chữ số và có sự hỗ trợ tốt của cầu tiêu thụ trong nước. Tiếp tục xu hướng phục hồi, mảng bán lẻ điện tử tiêu dùng (TGDD&DMX) kỳ vọng lợi nhuận tăng trưởng 28% sv mức nền thấp năm 2023 với số lượng cửa hàng ước tính đi ngang svck, doanh thu/cửa hàng tăng 16% svck và ghi nhận khoảng 2.7 tỷ đồng/tháng - tương đương giai đoạn năm 2022.

FPT Doanh thu 2T25 tăng 16% svck, thấp hơn kỳ vọng chủ yếu do doanh thu CNTT khu vực châu Mỹ tăng trưởng chậm. Tuy nhiên, LNTT 2T25 tăng 21% svck hỗ trợ bởi biên LN cải thiện mạnh mẽ, phù hợp với dự phóng.
Ở mức giá chiết khấu hấp dẫn, FPT là lựa chọn hàng đầu nhờ LN bền vững (20.6% CAGR 2025-27) trong bối cảnh triển vọng kinh tế có nhiều biến động.
Duy trì khuyến nghị **Khả quan** với giá mục tiêu 146,700 đ

FRT Long Châu tiếp tục là điểm sáng của FRT với vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ dược phẩm, chuỗi nhà thuốc tiếp tục mở rộng về quy mô và tối ưu hiệu quả chi phí giai đoạn 2025-26. Chúng tôi ước tính LN ròng năm 2025-26 tăng 111%/36% svck và đạt 670/939 tỷ đồng với động lực chính từ Long Châu.
Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **KHẢ QUAN** với giá cổ phiếu 202,400 đồng/cp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng